

Số: 87/2017/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia  
các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương  
tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2017-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 380/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2017-2020; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh (bao gồm cả các khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế) thời kỳ 2017-2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Việc phân loại, hạch toán chương của doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Việc phân cấp quản lý thu thuế tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định Bộ tiêu thức phân công cơ quan Thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh (quy định hiện hành theo Nghị quyết số 214/2015/NQ-HĐND17 ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh). Đối với các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu tương ứng với từng khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ phân chia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Quy định chuyển tiếp:

- Đối với các dự án giao đất xây nhà ở để bán có quyết định phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất trong năm 2017; các dự án đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn đã nộp một phần tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước; các dự án đất đối ứng để thanh toán vốn xây dựng cơ bản theo hình thức hợp đồng BT đang ghi thu ghi chi dở dang, thực hiện điều tiết theo quy định tại Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2017-2020;

- Đối với các khoản chậm nộp được áp dụng từ năm ngân sách 2017.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2017-2020.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08/12/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, CP (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hương Giang



**Phụ lục 01**

**CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%**

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

<b>I</b>	<b>Các khoản thu NS cấp tỉnh hưởng 100%</b>
1	Thu tiền cho thuê nhà và bản nhà thuộc sở hữu Nhà nước
2	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Ngân sách cấp tỉnh
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu
6	Lệ phí môn bài khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, khu vực nhà nước địa phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện
8	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp tỉnh: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp
9	Thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết
10	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang năm sau
11	Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh
12	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh
13	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương
14	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các doanh nghiệp tỉnh Cục Thuế quản lý thu
15	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn XDCB theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp tỉnh
16	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiểu mục 4944) do Cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp các khoản tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí và lệ phí...)

17	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành hải quan quản lý hạch toán tiêu mục 4945 (trừ các khoản ngân sách trung ương hưởng)
18	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp tỉnh quản lý (hạch toán tiêu mục 4947); các khoản thu do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách địa phương được hưởng
<b>II</b>	<b>Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%</b>
1	Lệ phí môn bài, trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn
2	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các hộ kinh doanh và doanh nghiệp Chi cục Thuế quản lý thu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện nộp
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu
6	Lệ phí trước bạ trừ lệ phí trước bạ nhà, đất
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện
8	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp huyện
9	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước sang năm sau
10	Thu kết dư ngân sách cấp huyện
11	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện
12	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn XDCB theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp huyện
13	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiêu mục 4944) do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp của các khoản tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí môn bài, phí và lệ phí...).
14	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp huyện quản lý (hạch toán tiêu mục 4947)
<b>III</b>	<b>Các khoản thu NS cấp xã hưởng 100%</b>
1	Lệ phí môn bài thu từ các cá nhân, hộ kinh doanh
2	Thuế tài nguyên
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
6	Các khoản phí và lệ phí phần nộp ngân sách xã theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc cấp xã nộp
7	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác

8	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã
9	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý
10	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã xử lý; thu từ xử lý tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước do các đơn vị cấp xã nộp
11	Dự án đất dân cư dịch vụ, đất xen kẽ khu dân cư, đất đang sử dụng giao chưa đúng thẩm quyền; dự án được UBND tỉnh cho phép đấu giá để tạo vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
12	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các đơn vị cấp xã thực hiện
13	Thu kết dư ngân sách xã
14	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã thực hiện
15	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau

h



**Phụ lục 02**  
**BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRẢM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Xã, phường	Thuế GTGT TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh				Thuế TNDN ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	Võ Cường	17	83	17	0	83	0	17	0	78	5	17	83	17	83
2	Vân Dương	17	83	17	0	83	0	17	0	52	31	17	83	17	83
3	Ninh Xá	17	83	17	83	0	0	17	0	79	4	17	83	17	83
4	Đại Phúc	17	83	17	0	83	0	17	0	74	9	17	83	17	83
5	Phong Khê	17	83	17	0	78	5	17	0	52	31	17	83	17	83
6	Thị Cầu	17	83	17	83	0	0	17	0	26	57	17	83	17	83
7	Đáp Cầu	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
8	Vũ Ninh	17	83	17	0	74	9	17	0	0	83	17	83	17	83
9	Nam Sơn	17	83	17	0	78	5	17	0	0	83	17	83	17	83
10	Hoà Long	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
11	Hạp Lĩnh	17	83	17	83	0	0	17	0	10	73	17	83	17	83
12	Khắc Niệm	17	83	17	83	0	0	17	0	48	35	17	83	17	83
13	Tiền An	17	83	17	83	0	0	17	0	67	16	17	83	17	83
14	Suối Hoa	17	83	17	83	0	0	17	0	73	10	17	83	17	83
15	Vệ An	17	83	17	0	39	44	17	0	0	83	17	83	17	83
16	Kinh Bắc	17	83	17	13	70	0	17	0	73	10	17	83	17	83
17	Kim Chân	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
18	Vạn An	17	83	17	0	50	33	17	0	0	83	17	83	17	83
19	Khúc Xuyên	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83

Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

#

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	Võ Cường	17	83	17	83	0	17	63	20	17	83	6	94
2	Vân Dương	17	83	17	0	83	17	63	20	17	83	6	94
3	Ninh Xá	17	83	17	58	25	17	60	23	17	83	6	94
4	Đại Phúc	17	83	17	63	20	17	73	10	17	83	6	94
5	Phong Khê	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	6	94
6	Thị Cầu	17	83	17	20	63	17	43	40	17	83	6	94
7	Đáp Cầu	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Vũ Ninh	17	83	17	0	83	17	43	40	17	83	6	94
9	Nam Sơn	17	83	17	60	23	17	40	43	17	83	6	94
10	Hoà Long	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Hạp Lĩnh	17	83	17	0	83	17	33	50	17	83	6	94
12	Khắc Niệm	17	83	17	0	83	17	43	40	17	83	6	94
13	Tiền An	17	83	17	43	40	17	53	30	17	83	6	94
14	Suối Hoa	17	83	17	37	46	17	37	46	17	83	6	94
15	Vệ An	17	83	17	0	83	17	30	53	17	83	6	94
16	Kinh Bắc	17	83	17	32	51	17	73	10	17	83	6	94
17	Kim Chân	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
18	Vạn An	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
19	Khúc Xuyên	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện; Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

Phụ lục 03

**BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ TỪ SƠN**



Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh

TT	Xã, phường	Thuế GTGT TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh				Thuế TNDN ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	Đông Ngàn	17	83	17	8	71	4	17	0	68	15	17	83	17	83
2	Tân Hồng	17	83	17	4	59	20	17	0	44	39	17	83	17	83
3	Đông Kỵ	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
4	Trang Hạ	17	83	17	1	60	22	17	0	57	26	17	83	17	83
5	Đình Bảng	17	83	17	17	60	6	17	0	81	2	17	83	17	83
6	Đông Nguyên	17	83	17	8	73	2	17	0	78	5	17	83	17	83
7	Châu Khê	17	83	17	1	71	11	17	0	73	10	17	83	17	83
8	Hương Mạc	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
9	Phù Khê	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
10	Tương Giang	17	83	17	1	62	20	17	0	58	25	17	83	17	83
11	Phù Chấn	17	83	17	0	48	35	17	1	47	35	17	83	17	83
12	Tam Sơn	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83

Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh

(2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập

(3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

Handwritten signature or mark.



TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	Đông Ngàn	17	83	17	68	15	17	40	43	17	83	6	94
2	Tân Hồng	17	83	17	26	57	17	40	43	17	83	6	94
3	Đông Kỳ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Trang Hạ	17	83	17	38	45	17	40	43	17	83	6	94
5	Đình Bảng	17	83	17	60	23	17	40	43	17	83	6	94
6	Đông Nguyên	17	83	17	44	39	17	40	43	17	83	6	94
7	Châu Khê	17	83	17	61	22	17	40	43	17	83	6	94
8	Hương Mạc	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	Phù Khê	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
10	Tương Giang	17	83	17	62	21	17	40	43	17	83	6	94
11	Phù Chấn	17	83	17	46	37	17	40	43	17	83	6	94
12	Tam Sơn	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện: Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

9

Phụ lục 04

**BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỀN DU**

Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh



TT	Xã, phường	Thuế GTGT, TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh				Thuế TNDN ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	T.T. Lim	17	83	17	0	83	0	17	0	0	83	17	83	17	83
2	Hoàn Sơn	17	83	17	0	83	0	17	79	0	4	17	83	17	83
3	Nội Duệ	17	83	17	0	35	48	17	33	50	0	17	83	17	83
4	Liên Bảo	17	83	17	0	64	19	17	0	0	83	17	83	17	83
5	Phú Lâm	17	83	17	0	74	9	17	0	0	83	17	83	17	83
6	Việt Đoàn	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
7	Hiên Vân	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
8	Phật Tích	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
9	Mình Đạo	17	83	17	0	2	81	17	0	0	83	17	83	17	83
10	Đại Đồng	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
11	Tri Phương	17	83	17	0	12	71	17	0	0	83	17	83	17	83
12	Cánh Hưng	17	83	17	0	0	83	17	0	0	83	17	83	17	83
13	Tân Chi	17	83	17	0	76	7	17	50	30	3	17	83	17	83
14	Lạc Vệ	17	83	17	0	65	18	17	0	23	60	17	83	17	83

- Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

*Handwritten signature*

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST		
1	TT. Lim	17	83	17	41	42	17	40	43	17	83	6	94
2	Hoàn Sơn	17	83	17	51	32	17	40	43	17	83	6	94
3	Nội Duệ	17	83	17	28	55	17	40	43	17	83	6	94
4	Liên Bảo	17	83	17	83	0	17	40	43	17	83	6	94
5	Phú Lâm	17	83	17	31	52	17	40	43	17	83	6	94
6	Việt Đoàn	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
7	Hiền Vân	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Phật Tích	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	Minh Đạo	17	83	17	40	43	17	40	43	17	83	6	94
10	Đại Đồng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Tri Phương	17	83	17	37	46	17	40	43	17	83	6	94
12	Cánh Hưng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Tân Chi	17	83	17	49	34	17	40	43	17	83	6	94
14	Lạc Vệ	17	83	17	66	17	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XDCB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện: Được sử dụng để chi đầu tư XDCB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.



Phụ lục 05

BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN PHONG

(Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Xã, phường	Thuế GTGT TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh			Thuế TNDN ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	TT. Chờ	17	83	17	56	27	17	56	27	17	83	17	83
2	Yên Phụ	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
3	Tam Giang	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
4	Hòa Tiến	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
5	Vân Môn	17	83	17	56	27	17	53	30	17	83	17	83
6	Đông Thọ	17	83	17	65	18	17	44	39	17	83	17	83
7	Trung Nghĩa	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
8	Đông Tiến	17	83	17	31	52	17	31	52	17	83	17	83
9	Yên Trung	17	83	17	56	27	17	67	16	17	83	17	83
10	Dũng Liệt	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
11	Thụy Hòa	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
12	Tam Đa	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
13	Long Châu	17	83	17	55	28	17	45	38	17	83	17	83
14	Đông Phong	17	83	17	69	14	17	69	14	17	83	17	83

- Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

Handwritten mark

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	TT. Chờ	17	83	17	31	52	17	40	43	17	83	6	94
2	Yên Phụ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
3	Tam Giang	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Hòa Tiến	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
5	Vân Môn	17	83	17	59	24	17	40	43	17	83	6	94
6	Đông Thọ	17	83	17	66	17	17	40	43	17	83	6	94
7	Trung Nghĩa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Đông Tiến	17	83	17	54	29	17	40	43	17	83	6	94
9	Yên Trung	17	83	17	15	68	17	40	43	17	83	6	94
10	Dũng Liệt	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Thụy Hòa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
12	Tam Đa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Long Châu	17	83	17	25	58	17	40	43	17	83	6	94
14	Đông Phong	17	83	17	66	17	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XDCB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện; Được sử dụng để chi đầu tư XDCB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

**BẢNG TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẾ VÕ**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)



TT	Xã, phường	Thuế GTGT TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh			Thuế TNDN ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	Chi Lăng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
2	Đại Xuân	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
3	Nhân Hòa	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
4	Phương Liễu	17	83	17	82	1	17	82	1	17	83	17	83
5	Việt Hùng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
6	Ngọc Xá	17	83	17	40	43	17	33	50	17	83	17	83
7	Đào Viên	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
8	Phù Lãng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
9	TT. Phố Mới	17	83	17	60	23	17	43	40	17	83	17	83
10	Bằng An	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
11	Quế Tân	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
12	Phù Lương	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
13	Mộ Đạo	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
14	Hán Quảng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
15	Đức Long	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
16	Phượng Mao	17	83	17	53	30	17	53	30	17	83	17	83
17	Yên Giả	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
18	Bồng Lai	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
19	Việt Thống	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
20	Cách Bi	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
21	Châu Phong	17	83	17	20	63	17	27	56	17	83	17	83

- Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TCNN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TCNN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	Chi Lăng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
2	Đại Xuân	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
3	Nhân Hòa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Phượng Liễu	17	83	17	36	47	17	40	43	17	83	6	94
5	Việt Hùng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
6	Ngọc Xá	17	83	17	83	0	17	40	43	17	83	6	94
7	Đào Viên	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Phù Lãng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	TT. Phố Mới	17	83	17	40	43	17	40	43	17	83	6	94
10	Bảng An	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Quế Tân	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
12	Phù Lương	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Mộ Đạo	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
14	Hán Quảng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
15	Đức Long	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
16	Phượng Mao	17	83	17	48	35	17	40	43	17	83	6	94
17	Yên Giả	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
18	Bồng Lai	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
19	Việt Thống	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
20	Cách Bi	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
21	Châu Phong	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện: Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

A

**Phụ lục 07**  
**BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN THÀNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)



TT	Xã, phường	Thuế GTGT, TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh			Thuế TNDN ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	Mão Điền	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
2	Hoài Thượng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
3	Song Hồ	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
4	Gia Đông	17	83	17	40	43	17	47	36	17	83	17	83
5	An Bình	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
6	Trạm Lộ	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
7	Ninh Xá	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
8	Nghĩa Đạo	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
9	Nguyệt Đức	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
10	Đại Đồng Thành	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
11	Đình Tổ	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
12	Trí Quả	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
13	Thanh Khương	17	83	17	61	22	17	62	21	17	83	17	83
14	Hà Mãn	17	83	17	39	44	17	40	43	17	83	17	83
15	Ngũ Thái	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
16	Xuân Lâm	17	83	17	30	53	17	29	54	17	83	17	83
17	Song Liễu	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
18	TT. Hồ	17	83	17	60	23	17	60	23	17	83	17	83

Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh

(2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập

(3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước



TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TCNC								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TCNC khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST		
1	Mão Điền	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
2	Hoài Thượng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
3	Song Hồ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Gia Đông	17	83	17	51	32	17	40	43	17	83	6	94
5	An Bình	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
6	Trạm Lộ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
7	Ninh Xá	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Nghĩa Đạo	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	Nguyệt Đức	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
10	Đại Đồng Thành	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Đình Tổ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
12	Trí Quả	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Thanh Khương	17	83	17	38	45	17	40	43	17	83	6	94
14	Hà Mãn	17	83	17	54	29	17	40	43	17	83	6	94
15	Ngũ Thái	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
16	Xuân Lâm	17	83	17	38	45	17	40	43	17	83	6	94
17	Song Liễu	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
18	TT. Hồ	17	83	17	34	49	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:
  - + Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;
  - + Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện; Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

**Phụ lục 08**  
**BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 8/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)



TT	Xã, phường	Thuế GTGT, TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh			Thuế TNDN ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	TT. Gia Bình	17	83	17	51	32	17	51	32	17	83	17	83
2	Xuân Lai	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
3	Quỳnh Phú	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
4	Đại Bái	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
5	Lãng Ngâm	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
6	Đông Cứu	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
7	Song Giang	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
8	Giang Sơn	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
9	Nhân Thắng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
10	Đại Lai	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
11	Thái Bảo	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
12	Bình Dương	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
13	Cao Đức	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
14	Vạn Ninh	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83

- Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

A

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở đô bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	TT. Gia Bình	17	83	17	41	42	17	40	43	17	83	6	94
2	Xuân Lai	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
3	Quỳnh Phú	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Đại Bái	17	83	17	40	43	17	40	43	17	83	6	94
5	Lãng Ngâm	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
6	Đông Cứu	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
7	Song Giang	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	Giang Sơn	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	Nhân Thắng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
10	Đại Lai	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Thái Bảo	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
12	Bình Dương	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Cao Đức	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
14	Vạn Ninh	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện: Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

ST

Phụ lục 09

**BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LƯƠNG TÀI**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh)



TT	Xã, phường	Thuế GTGT, TNDN (1)		Thuế GTGT ngoài quốc doanh			Thuế TNDN ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập khác của DN (2)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (3)	
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST
1	TT. Thứa	17	83	17	29	54	17	23	60	17	83	17	83
2	Trung Khê	17	83	17	33	50	17	26	57	17	83	17	83
3	Phú Hòa	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
4	Mỹ Hương	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
5	Tân Lãng	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
6	Lâm Thao	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
7	Lai Hạ	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
8	An Thịnh	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
9	Trùng Xá	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
10	Trung Chính	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
11	Minh Tân	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
12	Phú Lương	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
13	Bình Định	17	83	17	0	83	17	0	83	17	83	17	83
14	Quảng Phú	17	83	17	42	41	17	24	59	17	83	17	83

- Ghi chú: (1) -Thuế GTGT trừ thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT của DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể  
 - Thuế TNDN trừ thuế TNDN, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế TNDN của DN ngoài quốc doanh  
 (2) Thuế thu nhập khác của DN gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập  
 (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước

47

TT	Xã, phường	Thuế bảo vệ môi trường (4)		Thuế TNCN								Thu tiền sử dụng đất từ đất đầu giá tạo vốn, đất dự án xây nhà ở để bán, giao đất tái định cư (5)	
				Từ SXKD của cá nhân			Chuyển nhượng BĐS			Thuế TNCN khác			
		NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NST	NSH
1	TT. Thửa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
2	Trung Kênh	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
3	Phú Hòa	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
4	Mỹ Hương	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
5	Tân Lãng	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
6	Lâm Thao	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
7	Lai Hạ	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
8	An Thịnh	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
9	Trùng Xá	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
10	Trung Chính	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
11	Mình Tân	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
12	Phú Lương	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
13	Bình Định	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94
14	Quảng Phú	17	83	17	0	83	17	40	43	17	83	6	94

Ghi chú: (4) Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(5) Thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);

- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư XD CB nhưng tối đa không quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn UBND cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư được phân về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và số tiền vượt quá tổng mức đầu tư của các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý được điều tiết về ngân sách cấp huyện: Được sử dụng để chi đầu tư XD CB; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

ST